Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0307.43.10

Mã HS	0307.43.10
Mô tả hàng hóa	Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Mực nang và mực ống: / - - Đông lạnh: / - - - Mực nang (Sepia officinalis, Rossia macrosoma, Sepiola spp.) và mực ống (Ommastrephes spp., Loligo spp., Nototodarus spp., Sepioteuthis spp.)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 04:13:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03074310/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K698
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N698
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q698
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ698
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VCFTA	11	11%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E696
ATIGA	2022	2022	0	AT!E697
ATIGA	2023	2023	0	AT!F697
ATIGA	2024	2024	0	AT!G697
ATIGA	2025	2025	0	AT!H697
ATIGA	2026	2026	0	AT!I697
ATIGA	2027	2027	0	AT!J697
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E699
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F699
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G699
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H699

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I699
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J699
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E701
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F701
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G701
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H701
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I701
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J701
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F703
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H698
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F699
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G699
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H699
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I699
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J699
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K699
VKFTA	2022	2022	0	VK!E697
VKFTA	2023	2023	0	VK!F697
VKFTA	2024	2024	0	VK!G697
VKFTA	2025	2025	0	VK!H697
VKFTA	2026	2026	0	VK!I697
VKFTA	2027	2027	0	VK!J697
VCFTA	2022	2022	22	VC!D708
VCFTA	2023	2023	22	VC!E708
VCFTA	2024	2024	11	VC!F708
VCFTA	2025	2025	11	VC!G708

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	11	VC!H708
VCFTA	2027	2027	11	VC!I708
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D705
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E705
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F705
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G705
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H705
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I705
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D714
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E714
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F714
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G714
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H714
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I714
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D698
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E698
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F698
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G698
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H698
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I698
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D700
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E700
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F700
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G700
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H700
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I700

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D698
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E698
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F698
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G698
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H698
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I698
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J698
RCEP A	2022	2022	9,3	RCEPT-A!D701
RCEP A	2023	2023	8,7	RCEPT-A!E701
RCEP A	2024	2024	8	RCEPT-A!F701
RCEP A	2025	2025	7,3	RCEPT-A!G701
RCEP A	2026	2026	6,7	RCEPT-A!H701
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I701
RCEP B	2022	2022	9,3	B!D701
RCEP B	2023	2023	8,7	B!E701
RCEP B	2024	2024	8	B!F701
RCEP B	2025	2025	7,3	B!G701
RCEP B	2026	2026	6,7	B!H701
RCEP B	2027	2027	6	B!I701
RCEP C	2022	2022	9,5	C!D701
RCEP C	2023	2023	9	C!E701
RCEP C	2024	2024	8,5	C!F701
RCEP C	2025	2025	8	C!G701
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H701
RCEP C	2027	2027	7	C!I701
RCEP D	2022	2022	10	D!D701

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	10	D!E701
RCEP D	2024	2024	10	D!F701
RCEP D	2025	2025	10	D!G701
RCEP D	2026	2026	10	D!H701
RCEP D	2027	2027	10	D!I701
RCEP E	2022	2022	10	E!D701
RCEP E	2023	2023	10	E!E701
RCEP E	2024	2024	10	E!F701
RCEP E	2025	2025	10	E!G701
RCEP E	2026	2026	10	E!H701
RCEP E	2027	2027	10	E!I701
RCEP F	2022	2022	9,3	F!D701
RCEP F	2023	2023	8,7	F!E701
RCEP F	2024	2024	8	F!F701
RCEP F	2025	2025	7,3	F!G701
RCEP F	2026	2026	6,7	F!H701
RCEP F	2027	2027	6	F!I701
VIFTA	2024	2024	*	VI!F687
VIFTA	2025	2025	*	VI!G687
VIFTA	2026	2026	*	VI!H687
VIFTA	2027	2027	*	VI!I687

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục D) 10%, RCEP (Phụ lục E) 10%, VCFTA 11%, AIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0307.43 có 2 dòng thuế; dòng 0307.43.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mực nang (Sepia officinalis, Rossia macrosoma, Sepiola spp.) và mực ống (Ommastrephes spp., Loligo spp., Nototodarus spp., Sepioteuthis spp.).	0307.43.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0307.43.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0307.43.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N698), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.